

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh về Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.*

*Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nhà ở, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tại Tờ trình số 97/TTr-BQL ngày 20 tháng 01 năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 19 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

*(Có Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 13 quy trình nội bộ giải quyết đối với 09 thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng (*Số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 mục A, phụ lục III và Số thứ tự 01 mục B, phụ lục III*) được phê duyệt tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 20/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b)

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Việt**

**Phụ lục**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

**A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG** (18 quy trình, đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 15/01/2025)

**1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh**

**a) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Đối với dự án nhóm A**

- Thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định pháp luật không quá 35 ngày (Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14).

- Thời gian thực hiện: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                 | Trách nhiệm                                    | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|----|---|--|---|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Scan hồ sơ  | 01 ngày             |
| B2 | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý   | 01 ngày             |
|    |   | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                       | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở | 30,5 ngày           |

|                                 |                               |  |                   |                |
|---------------------------------|-------------------------------|--|-------------------|----------------|
|                                 |                               | Lãnh đạo phòng                                 | Xét duyệt         | 01 ngày        |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt           | Lãnh đạo Ban                                   | Kết quả thẩm định | 01 ngày        |
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Trả kết quả       | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |  |                   | <b>35 ngày</b> |

**b) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Đối với dự án nhóm B**

- Thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định pháp luật không quá 25 ngày (*Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14*).

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                 | Trách nhiệm                                    | Sản phẩm thực hiện   | Thời gian thực hiện |
|----|---|--|--|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Scan hồ sơ   | 01 ngày             |
| B2 | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý  | 01 ngày             |
|    |   | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                       | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở | 15,5 ngày           |
|    |   | Lãnh đạo phòng                                 | Xét duyệt  | 01 ngày             |

|                                 |                               |  |                   |                |
|---------------------------------|-------------------------------|--|-------------------|----------------|
| B3                              | Xem xét và ký duyệt           | Lãnh đạo Ban                                   | Kết quả thẩm định | 01 ngày        |
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Trả kết quả       | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |  |                   | <b>20 ngày</b> |

**c) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Đối với dự án nhóm C**

- Thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định pháp luật không quá 15 ngày (Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 59 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14).

- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                 | Trách nhiệm                                    | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|----|---|--|---|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Scan hồ sơ  | 01 ngày             |
| B2 | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý   | 0,5 ngày            |
|    |   | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                       | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở | 11,0 ngày           |
|    |   | Lãnh đạo phòng                                 | Xét duyệt   | 01 ngày             |
| B3 | Xem xét và ký duyệt                         | Lãnh đạo Ban                                   | Kết quả thẩm định   | 01 ngày             |

|                                 |                               |  |             |                |
|---------------------------------|-------------------------------|--|-------------|----------------|
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Trả kết quả | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |  |             | <b>15 ngày</b> |

## 2. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh

*a) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh*  
**Đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt (nếu được ủy quyền)**

- Thời gian theo quy định của pháp luật: 40 ngày (Theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 47 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024)

- Thời gian thực hiện: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                 | Trách nhiệm                                    | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|----|---|--|---|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Scan hồ sơ  | 01 ngày             |
| B2 | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý   | 01 ngày             |
|    |   | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                       | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 30,5 ngày           |
|    |   | Lãnh đạo phòng                                 | Xét duyệt   | 01 ngày             |
| B3 | Xem xét và ký duyệt                         | Lãnh đạo Ban                                   | Kết quả thẩm định   | 01 ngày             |

|                                 |                               |  |             |                |
|---------------------------------|-------------------------------|--|-------------|----------------|
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Trả kết quả | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |  |             | <b>35 ngày</b> |

***b) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh  
Đối với các công trình cấp II, cấp III***

- Thời gian theo quy định của pháp luật: 30 ngày (*Theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 47 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024*)

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Các bước trình tự thực hiện</b>          | <b>Trách nhiệm</b>                             | <b>Sản phẩm thực hiện</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|---|--|---|----------------------------|
| B1        | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Scan hồ sơ  | 01 ngày                    |
| B2        | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý   | 01 ngày                    |
|           |   | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                       | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 15,5 ngày                  |
|           |   | Lãnh đạo phòng                                 | Xét duyệt   | 01 ngày                    |
| B3        | Xem xét và ký duyệt                         | Lãnh đạo Ban                                   | Kết quả thẩm định   | 01 ngày                    |

|                                 |                               |  |             |                |
|---------------------------------|-------------------------------|--|-------------|----------------|
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Trả kết quả | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |  |             | <b>20 ngày</b> |

***c) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh  
Đối với các công trình còn lại***

- Thời gian theo quy định của pháp luật: 20 ngày (*Theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 47 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024*)

- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Các bước trình tự thực hiện</b>          | <b>Trách nhiệm</b>                             | <b>Sản phẩm thực hiện</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|---|--|--|----------------------------|
| B1        | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Scan hồ sơ   | 01 ngày                    |
| B2        | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý  | 0,5 ngày                   |
|           |   | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                       | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có) kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 11,0 ngày                  |
|           |   | Lãnh đạo phòng                                 | Xét duyệt  | 01 ngày                    |
| B3        | Xem xét và ký duyệt                         | Lãnh đạo Ban                                   | Kết quả thẩm định  | 01 ngày                    |



| <b>TT</b>                       | <b>Các bước trình tự thực hiện</b> | <b>Trách nhiệm</b>                             | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------|----------------------------|
| B4                              | Thu phí, lệ phí và trả kết quả     | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Trả kết quả               | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                    |  |                           | <b>15 ngày</b>             |

**3. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II** (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1        | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 01 ngày                    |
| B2        | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng               | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|           |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 6,5 ngày                   |
|           |  | Lãnh đạo phòng               | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3        | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 01 ngày                    |

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b> | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B4                              | Trả kết quả               | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                           |                              |                           | <b>10 ngày</b>             |

**4. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II** (công trình Không theo tuyến /Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1        | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 01 ngày                    |
| B2        | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng               | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|           |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 6,5 ngày                   |
|           |  | Lãnh đạo phòng               | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3        | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 01 ngày                    |

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b> | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B4                              | Trả kết quả               | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                           |                              |                           | <b>10 ngày</b>             |

**5. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).**

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1        | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 01 ngày                    |
| B2        | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng               | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|           |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 6,5 ngày                   |
|           |  | Lãnh đạo phòng               | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3        | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 01 ngày                    |
| B4        | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |

| TT                              | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|---------------------|
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                    |                       |                    | <b>10 ngày</b>      |

**6. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II** (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| TT                              | Trình tự thực hiện   | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--|-----------------------|---------------------|---------------------|
| B1                              | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa       | Kèm scan hồ sơ      | 01 ngày             |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng        | Phân công thụ lý    | 0,5 ngày            |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách | Văn bản đầu ra      | 6,5 ngày            |
|                                 |  | Lãnh đạo phòng        | Thẩm định           | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban          | Phê duyệt           | 01 ngày             |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa       | Văn bản đã ký duyệt | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                       |                     | <b>10 ngày</b>      |

**7. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II** (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1                              | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 0,5 ngày                   |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng               | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 2,5 ngày                   |
|                                 |  | Lãnh đạo phòng               | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 0,5 ngày                   |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                              |                           | <b>05 ngày</b>             |

**8. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong đô thị** (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1                              | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 0,5 ngày                   |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng               | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 2,5 ngày                   |
|                                 |  | Lãnh đạo phòng               | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 0,5 ngày                   |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                              |                           | <b>05 ngày</b>             |

**9. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.**

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>                                      | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1        | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 01 ngày                    |

| TT                              | Trình tự thực hiện   | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--|-----------------------|---------------------|---------------------|
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng        | Phân công thụ lý    | 0,5 ngày            |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách | Văn bản đầu ra      | 6,5 ngày            |
|                                 |  | Lãnh đạo phòng        | Thẩm định           | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban          | Phê duyệt           | 01 ngày             |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa       | Văn bản đã ký duyệt | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                       |                     | <b>10 ngày</b>      |

**10. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.**

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện   | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----|--|-----------------------|--------------------|---------------------|
| B1 | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa       | Kèm scan hồ sơ     | 01 ngày             |
| B2 | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng        | Phân công thụ lý   | 0,5 ngày            |
|    |  | Chuyên viên phụ trách | Văn bản đầu ra     | 6,5 ngày            |
|    |  | Lãnh đạo phòng        | Thẩm định          | 0,5 ngày            |

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b> | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B3                              | Xem xét và Quyết định     | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 01 ngày                    |
| B4                              | Trả kết quả               | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                           |                              |                           | <b>10 ngày</b>             |

**11. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp II ngoài đô thị, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.**

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1        | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 01 ngày                    |
| B2        | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Trưởng phòng                 | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|           |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 6,5 ngày                   |
|           |  | Trưởng phòng                 | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3        | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 01 ngày                    |



|                                 |             |                 |                     |                |
|---------------------------------|-------------|-----------------|---------------------|----------------|
| B4                              | Trả kết quả | Bộ phận một cửa | Văn bản đã ký duyệt | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |             |                 |                     | <b>10 ngày</b> |

**12. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.**

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| TT                              | Trình tự thực hiện   | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--|-----------------------|---------------------|---------------------|
| B1                              | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa       | Kèm scan hồ sơ      | 01 ngày             |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Trưởng phòng          | Phân công thụ lý    | 0,5 ngày            |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách | Văn bản đầu ra      | 6,5 ngày            |
|                                 |  | Trưởng phòng          | Thẩm định           | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban          | Phê duyệt           | 01 ngày             |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa       | Văn bản đã ký duyệt | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                       |                     | <b>10 ngày</b>      |

**13. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.**

- Thời gian theo quy định của pháp luật là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| TT                              | Trình tự thực hiện   | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--|-----------------------|---------------------|---------------------|
| B1                              | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa       | Kèm scan hồ sơ      | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Trưởng phòng          | Phân công thụ lý    | 0,5 ngày            |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách | Văn bản đầu ra      | 2,5 ngày            |
|                                 |  | Trưởng phòng          | Thẩm định           | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban          | Phê duyệt           | 0,5 ngày            |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa       | Văn bản đã ký duyệt | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                       |                     | <b>05 ngày</b>      |

**14. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.**

- Thời gian theo quy định của pháp luật 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b>  | <b>Trách nhiệm thực hiện</b> | <b>Sản phẩm thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|--|------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| B1                              | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn       | Bộ phận một cửa              | Kèm scan hồ sơ            | 0,5 ngày                   |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư - xây dựng và Môi trường tiếp nhận, xử lý hồ sơ | Trưởng phòng                 | Phân công thụ lý          | 0,5 ngày                   |
|                                 |  | Chuyên viên phụ trách        | Văn bản đầu ra            | 2,5 ngày                   |
|                                 |  | Trưởng phòng                 | Thẩm định                 | 0,5 ngày                   |
| B3                              | Xem xét và Quyết định  | Lãnh đạo ban                 | Phê duyệt                 | 0,5 ngày                   |
| B4                              | Trả kết quả  | Bộ phận một cửa              | Văn bản đã ký duyệt       | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  |                              |                           | <b>05 ngày</b>             |

**B. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG** (01 quy trình, đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 29/8/2023)

**1. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương**

- Theo quy định của pháp luật là 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.
- Thời gian thực hiện là 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.
- Quy trình:

| <b>TT</b>                       | <b>Trình tự thực hiện</b>                   | <b>Trách nhiệm</b>                             | <b>Sản phẩm thực hiện</b>                                      | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|---|--|--|----------------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                 | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định | 01 ngày                    |
| B2                              | Phòng Quản lý đầu tư xây dựng và Môi trường | Lãnh đạo phòng                                 | Ý kiến phân công thụ lý  | 01 ngày                    |
|                                 |   | Chuyên viên                                    | Các văn bản đầu ra   | 15 ngày                    |
|                                 |   | Lãnh đạo phòng                                 | Báo cáo Đoàn kiểm tra  | 01 ngày                    |
| B3                              | Ký duyệt                                    | Lãnh đạo Ban                                   | Văn bản ban hành   | 01 ngày                    |
| B4                              | Bàn giao                                    | Chuyên viên                                    | Văn bản ban hành   | 0,5 ngày                   |
| B5                              | Trả kết quả và lưu sổ                       | Bộ phận TN&TKQ Ban Quản lý các khu công nghiệp | Văn bản ban hành   | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |   |  |  | <b>20 ngày</b>             |